

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 7 – 2026

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Diễm.

Ông Duyên Văn Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 553/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 574/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trương Hoài N, sinh năm: 1970 (Xin vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096070012526, cấp ngày 09/8/2021;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Triệu Thị N1, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Số căn cước công dân: 096175011230, cấp ngày 10/8/2021;

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Hoài N là nguyên đơn thể hiện:*

Về hôn nhân: Ông và bà Triệu Thị N1 chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2025, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2026 ông, bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên không biết nên không có tổ chức hòa giải hàn gắn. Ông, bà không còn sống chung từ cuối tháng 3 năm 2026 cho đến nay. Ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N1.

Về con chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông N khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Đối với bà Triệu Thị N1, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà N1 đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bà N1 vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông Trương Hoài N về việc xin ly hôn với bà Triệu Thị N1 thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; bà N1 là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Triệu Thị N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng bà N1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N1 theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Trương Hoài N và bà Triệu Thị N1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) vào ngày 10/6/2025 nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của ông, bà có mâu thuẫn là đúng vì theo ông N thì vợ chồng ông, bà có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đỉnh điểm ông, bà không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau, cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi từ cuối tháng 3 năm 2026 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà N1.

[4] Về con chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông N khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Hoài N về việc xin ly hôn bà Triệu Thị N1.

2. Về con chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông N khai vợ chồng ông, bà không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 26 tháng 5 năm 2026, ông N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0006752 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ông Trương Hoài N, bà Triệu Thị N1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Lê Thúy Dung**